

Trạng Bội

--- Hồ Mậu Đường ---

Từ khi đỗ Trạng nguyên năm 32 tuổi, Nguyễn Đăng Đạo (1651-1719) có tên là Trạng Bội - tên làng quê của ông. Năm 1687, ông đi sứ sang Trung Quốc và được phong là "Bắc triều đệ nhất Trạng nguyên". Ông sống thanh liêm lại hay làm việc thiện, bởi vậy công đức đã được người dân quê đặt thành bài truyền tụng.

Trạng Bội tên thật là Nguyễn Đăng Đạo, sau đổi là Nguyễn Đăng Liễn, tự Chất Phu, sinh thời Lê Thần Tông năm Khánh Đức thứ 3 - 1965, tại làng Hoài Bảo, tục danh làng Bội, tổng Nội Duệ, huyện Tiên Du, thuộc tỉnh Bắc Ninh. Thân phụ ông là tiến sĩ Nguyễn Đăng Minh, làm quan triều Lê, đến chức Quốc tử giám tế tửu.

Buổi thiếu thời, Nguyễn đã nổi tiếng thông minh trác việt, tính tình phóng khoáng, khác với lứa bạn thiếu niên cùng thời. Một lần dạo chơi, gặp gió mùa đông bắc, khi đi qua gian cầu có mái ngói che ở giữa làn, Nguyễn vào tránh rét, nằm co trong cầu. Bổng viên tri huyện sở tại đi công du, ngựa xe rộ rập qua cầu, Nguyễn làm như không biết, cứ nằm lý. Quan huyện phát ý hỏi:

- Anh kia, ở đâu đến mà dám vô lễ? Thấy bản chức sao không đứng dậy?

- Bẩm quan - Nguyễn thưa - con là học trò trong hàng huyện, biết quan đến nhưng vì lạnh quá, không đứng dậy được.

- Là học trò à? Vậy ta ra cho bài thơ tức cảnh "Rét nằm co" làm được ta tha tội vô lễ cho.

Quan huyện vừa dứt lời, Nguyễn ứng khẩu ngay:

*Vi vu gió thổi, bụi lằm đường
Rét mới nằm co, há phải cuồng?
Cá chửa giương vây miền Bắc Hải
Rồng còn cuộn khúc bãi Nam Dương.
Cát đầu ngóng đợi Kiên Khôn đế
Uốn gối nong châu Cảnh Thổ vương
Bĩ hể cực rồi, rồi đến thái
Sang xuân đầm ấm lại nghênh ngang*

Nghe thơ, quan huyện khen là người có chí lớn, liền tha cho đi.

Quả nhiên, không bao lâu, anh thanh niên Nguyễn thi đậu Hương tiến (cử nhân). Năm Quý Hợi 1683, dưới đời Lê Hy Tông vào thi Hội, thi Đình đậu Trạng nguyên, ở tuổi 32, được bổ vào Hàn lâm viện. Từ đấy có tên Trạng Bội (lấy tên làng quê ông).

Bốn năm sau (năm 1687), Trạng được cử đi sứ sang Trung Quốc. Trạng Bội làm chánh sứ, đến Bắc Kinh đúng dịp tết Nguyên đán, cùng một số sứ thần các nước chư hầu khác. Sau khi vào chầu vua Khang Hy, các sứ ra nghỉ ở quán Hội Đồng. Một hôm, một viên thái giám do vua cử đến quán, với một tấm biển có vế đối:

Xuân tiêu phong nguyệt, nguyệt thêm hoa sắc, phong tống hoa hương, hương sinh sắc, sắc sinh hương, hương hương sắc sắc mãi xuân tiêu, tương tư khách hứng tương tư khách.

Dịch nghĩa: Đêm xuân có gió trăng, trăng đẹp thêm hoa, gió đưa hương ngát, có hương rồi có sắc, có sắc lại có hương, hương hương sắc sắc, suốt đêm xuân, khách tương tư nghĩ tới khách tương tư.

Sau khi sứ Cao Ly đổi xong, sứ Việt Nam đổi tiếp:

Hạ nhật cầm thi, thi ngụ ngã tình, cầm hòa ngã tính, tính viên tình, tình viên tính, tính tính tình tình
ngu hạ nhật, tri âm nhân thức tri âm nhân.

Dịch nghĩa: Ngày hạ có đàn thơ, thơ giải tình ta, đàn dịu tính ta, tính vẹn thêm tình, tình càng vẹn
tính, tính tính tình tình vui ngày hạ, bạn tri âm biết bạn tri âm.

Quan Trung Quốc phê: "Sau này sẽ làm nên sự nghiệp lừng lẫy".

Câu đối các sứ thần đều được đệ lên ngự lãm. Xem xong, vua Khang Hy lấy làm thán phục, phong
cho Trạng Bội "Bắc triều đệ nhất Trạng Nguyên".

Đi sứ về, Trạng Bội viết tấu dâng vua. Xét lòng yêu nước trung quân, Hy Tông thăng Trạng chức Đô
đài ngự sử. Lúc này, Trịnh Căn do có công lao, được phong tước Định Nam vương, bắt đầu ý thế
lộng quyền, lập ra phủ chúa gọi là phủ liêu. Chúa Trịnh bắt đình thần mỗi khi vào hầu ở phủ liêu phải
mặc đại triều phục như khi vào chầu vua. Một lần vào phủ liêu, Trạng Bội chỉ mặc áo thường triều.

Chúa hỏi: "Sao dám phục sức như vậy?" Trạng thưa: "Tôi nghe đại triều phục là để chầu Thiên tử.
Nay nhà chúa cũng là bầy tôi Thiên tử, nếu lấy áo chầu Lê Hoàng vào chầu chúa, e không hợp lệ, xin
được miễn thứ". Chúa Trịnh khen là trung thực, thưởng cho mười nén vàng.

Tuy tài cao, chí lớn, nhưng gặp thời triều Lê bắt đầu suy yếu, không có minh quân, nhân tài không
được trọng dụng, nên Trạng giữ chức Đô đài ngự sử ngót 30 năm trời mới được thăng chức Tham
tụng. Đến cuối đời mới được thăng Lễ bộ thượng thư, kiêm Đông các đại học sĩ, tước Bá.

* * *

Làm đến đại thần, sống giữa kinh thành, Trạng Bội luôn hướng về quê hương. Những khi việc triều
chính được buổi thư nhàn, ông về thăm quê, thường cho mời bà con trong làng đến chơi, trầu nước
chuyện trò, ân cần thăm hỏi công việc làm ăn, tình hình đời sống.

Gặp năm mất mùa, dân tình Bắc Ninh nhiều vùng đói kém. Trạng viết thư cho phu nhân: "Ta làm
quan đến tột bậc, lẽ đâu để dân tình nhà chết đói. Bà phải giúp những người khốn khó ở làng quê,
tìm cách phát chẩn để cứu đói, phát thóc giống cho họ cày cấy làm ăn...".

Phu nhân nghe lời, ra tay cứu trợ. Nhờ vậy năm ấy được mùa. Thoát cơn bĩ cực, dân tình cảm công
đức ông, đã đặt bài truyền tụng:

*Bất hữu Trạng nguyên tiền, ngô dân hà dĩ an,
Bất hữu Trạng nguyên túc, ngô dân hà dĩ dục.
Tưởng công chi đức, tưởng công chi công,
Lịch vạn thế nhi bất vong.*

Dịch nghĩa:

*Không có tiền của Trạng, dân ta sao bình an
Không có thóc của Trạng, dân ta lấy gì ăn,
Nhớ đức của Người, nhớ công của Người
Muôn đời chẳng quên.*

Không chỉ cứu nhân độ thế, ông còn bỏ tiền xây đình chùa, cấp ruộng chi vào việc tế thần. Nhưng đối
với bản thân thì rất chặt chẽ. Lần đi sứ thứ hai về, thấy phu nhân mới xây thêm hai gian nhà ngói,
ông tỏ ý không bằng lòng: "Nhà ta vốn là học trò, được sống đầy đủ đến nay đã quá lắm rồi. Làm gì
phải to tát đẹp đẽ như thế?".

Năm Kỷ Hợi 1719, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 15, đời vua Lê Dụ Tông, Trạng Nguyên Nguyễn Đăng Đạo, tức Trạng Bui qua đời, thọ ngót bảy mươi tuổi. Vua và Chúa vô cùng thương tiếc một đấng hiền tài, sai quan khâm mạng về tận quê ông điện tể. Đồng thời tặng phong lại Bộ thượng thư, tước Quận công, ban bốn chữ "Lưỡng quốc Trạng nguyên" (ông Trạng hai nước) và một đôi câu đối:

*Tiến sĩ, thượng thư, thiên hạ hữu
Trạng nguyên, tể tướng thế gian vô*

(Đỗ tiến sĩ, làm thượng thư thì thiên hạ có. Còn đỗ Trạng nguyên lại làm đến Tể tướng thì thế gian này thật hiếm).